



PHI ANH GROUP

CÔNG TY TNHH PHI ANH GROUP
PHI ANH GROUP - PLASTIC PIPE & FITTINGS

CATALOG SẢN PHẨM

PHỤ KIỆN ỚNG NHỰA uPVC KỸ THUẬT

Industrial uPVC Pipe Fittings · 2025
CÔNG TY TNHH PHI ANH GROUP

NHÓM 01 Nối Thẳng / Măng Sông Straight Coupling	NHÓM 02 Nối Giảm / Côn Thu Reducer / Reducing Coupling	NHÓM 03 Co 90° & Lối 45° Elbow 90° & Elbow 45°
NHÓM 04 Tê & Chữ Y Tee & Y-Piece	NHÓM 05 Nắp Bịt & Bít Hàn End Cap & Welded Cap	NHÓM 06 Mặt Bích Flange

CHUYÊN PHỤ KIỆN HÀN KỸ THUẬT CỠ LỚN · DN 200 – DN 630

www.phianh.vn · TP. Hồ Chí Minh · ISO 1452 / TCVN

HOTLINE / ZALO BÁO GIÁ: 0866 544 299

Phục vụ: TP.HCM · Bình Dương · Đồng Nai · Long An · Tây Ninh · Bà Rịa-Vũng Tàu

GIỚI THIỆU CÔNG TY



CÔNG TY TNHH PHI ANH GROUP

PHI ANH GROUP — Plastic Pipe & Fittings
Nhà sản xuất phụ kiện ống nhựa uPVC kỹ thuật

TỔNG QUAN

COMPANY PROFILE

Công ty TNHH Phi Anh Group là nhà sản xuất phụ kiện ống nhựa uPVC kỹ thuật chuyên nghiệp, đặt tại TP. Hồ Chí Minh. Chúng tôi phục vụ thị trường B2B trong các lĩnh vực: cấp & thoát nước, xử lý nước thải, tưới tiêu nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và hệ thống cơ điện công nghiệp.

Thế mạnh đặc thù của Phi Anh là dòng phụ kiện **HÀN KỸ THUẬT** cỡ lớn (DN 200 – DN 630) — phân khúc mà các thương hiệu đúc ép phổ thông ít cung cấp, đáp ứng linh hoạt theo yêu cầu công trình.

NĂNG LỰC CỐT LÕI

CORE CAPABILITIES

Năng lực	Mô tả
DN 21 – DN 630	Dài kích thước rộng, từ dân dụng đến hạ tầng
PN 6 – PN 16	Đa cấp áp lực theo tiêu chuẩn quốc tế
Phụ kiện hàn cỡ lớn	Tê, co, lòi, bịt hàn DN 200 – DN 630
Gia công theo yêu cầu	Custom kích thước & độ dày cho dự án

VẬT LIỆU & TIÊU CHUẨN

MATERIALS & STANDARDS

Hạng mục	Thông số kỹ thuật
Vật liệu	uPVC — Unplasticized PVC (PVC không hóa dẻo), nguyên sinh
Màu sắc	Xám kỹ thuật (Technical Gray) theo TCVN / ISO
Tiêu chuẩn hệ Mét	ISO 1452-2:2009 · TCVN 8491:2011
Tiêu chuẩn hệ Inch	BS EN 1452-2 · TCVN 6151:2002
Cấp áp lực	PN 6 · PN 9 · PN 10 · PN 12,5 · PN 16 bar
Phương pháp nối	Keo dán uPVC · Mặt bích · Hàn kỹ thuật (cỡ lớn)
Nhiệt độ làm việc	0°C – 45°C · Tuổi thọ thiết kế > 50 năm

DANH MỤC SẢN PHẨM

Nhóm	Sản phẩm	Mô tả	Dài kích thước
01	Nối Thẳng / Măng Sông	Nối thẳng uPVC (Măng sông) kết nối hai đoạn ống cùng đường kính	DN 21 – DN 630
02	Nối Giảm / Côn Thu	Nối giảm uPVC (Côn thu) kết nối hai đoạn ống có đường kính khác nhau	DN 50 – DN 630
03	Co 90° & Lối 45°	Co 90° (cút vuông) đổi hướng tuyến ống 90°; Lối 45° (chéch) đổi hướng 45°	DN 21 – DN 500
04	Tê & Chữ Y	Tê 90° đồng tâm (ba lối cùng DN); Tê giảm (nhánh nhỏ hơn tuyến chính)	DN 21 – DN 500
05	Nắp Bịt & Bít Hàn	Nắp bịt (bịt tròn) bịt kín đầu cuối tuyến ống, ngăn dòng chảy	DN 21 – DN 630
06	Mặt Bích	Mặt bích đơn (bích lồng) kết nối ống uPVC với thiết bị có mặt bích	DN 49 – DN 500

NHÓM 01: Nối Thẳng / Măng Sông

Straight Coupling



Nối thẳng uPVC — các kích thước (chèn ảnh thực tế — chuột phải > Change Picture)

MÔ TẢ & ĐẶC TÍNH

DESCRIPTION & FEATURES

Nối thẳng uPVC (Măng sông) kết nối thẳng hai đoạn ống cùng đường kính.
 Mỗi nối dán keo uPVC hoặc gioăng cao su (DN 114+), kín nước bền chắc.
 Cỡ lớn DN 200 – DN 630 sản xuất bằng phương pháp hàn kỹ thuật.

- Kết nối thẳng hai ống cùng DN
- Chịu áp PN 6 đến PN 16
- Lắp âm tường, ngầm đất, ngoài trời
- Không ăn mòn, không thấm nước
- Dán keo / gioăng / hàn kỹ thuật
- Đồng bộ toàn hệ phụ kiện Phi Anh

Bảng kích thước — Hệ Inch (BS) & Hệ Mét (ISO)

Hệ đo	Kích thước DN	PN (bar)
Inch	D49, D60, D90, D114, D168, D220	PN6 – PN12
Mét	D63, D90, D110, D140, D160	PN6 – PN16
Mét	D200, D225, D250, D280, D315	PN6 – PN10
Mét	D355, D400, D450, D500, D630	PN6

QUY CÁCH & MÃ HÀNG CHI TIẾT

FULL SIZE & CODE LIST · 29 quy cách

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Nối thẳng	D21	Inch	PN16	PA-MS-I021
Nối thẳng	D27	Inch	PN16	PA-MS-I027
Nối thẳng	D34	Inch	PN16	PA-MS-I034
Nối thẳng	D42	Inch	PN16	PA-MS-I042
Nối thẳng	D49	Inch	PN6, PN12	PA-MS-I049
Nối thẳng	D60	Inch	PN6, PN12	PA-MS-I060
Nối thẳng	D90	Inch	PN6, PN12	PA-MS-I090
Nối thẳng	D114	Inch	PN6, PN9	PA-MS-I114
Nối thẳng	D140	Inch	PN6, PN9	PA-MS-I140
Nối thẳng	D168	Inch	PN6, PN9	PA-MS-I168
Nối thẳng	D220	Inch	PN6, PN9	PA-MS-I220
Nối thẳng	D63	Mét	PN6, PN8	PA-MS-M063
Nối thẳng	D75	Mét	PN6, PN10	PA-MS-M075
Nối thẳng	D90	Mét	PN6, PN10, PN16	PA-MS-M090
Nối thẳng	D110	Mét	PN6, PN10, PN16	PA-MS-M110
Nối thẳng	D125	Mét	PN16	PA-MS-M125
Nối thẳng	D140	Mét	PN6, PN10, PN16	PA-MS-M140
Nối thẳng	D160	Mét	PN6, PN10	PA-MS-M160
Nối thẳng	D200	Mét	PN6, PN10	PA-MS-M200
Nối thẳng	D225	Mét	PN6, PN10	PA-MS-M225

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Nối thẳng	D250	Mét	PN6, PN10	PA-MS-M250
Nối thẳng	D280	Mét	PN6	PA-MS-M280
Nối thẳng	D315	Mét	PN6	PA-MS-M315
Nối thẳng	D355	Mét	PN6	PA-MS-M355
Nối thẳng	D400	Mét	PN6	PA-MS-M400
Nối thẳng	D450	Mét	PN6	PA-MS-M450
Nối thẳng	D500	Mét	PN6	PA-MS-M500
Nối thẳng	D560	Mét	PN6	PA-MS-M560
Nối thẳng	D630	Mét	PN6	PA-MS-M630

Mã hàng theo cấu trúc PA-[Nhóm]-[Hệ][DN]-PN[xx]. Liên hệ Hotline/Zalo 0866 544 299 để nhận báo giá chi tiết theo PN.

ỨNG DỤNG: Cấp nước · Thoát nước · Tưới tiêu · Thủy sản · Công nghiệp

NHÓM 02: Nối Giảm / Côn Thu

Reducer / Reducing Coupling



Nối giảm & bạc chuyển bậc (chèn ảnh thực tế — chuột phải > Change Picture)

MÔ TẢ & ĐẶC TÍNH

DESCRIPTION & FEATURES

Nối giảm uPVC (Côn thu) kết nối hai đoạn ống có đường kính khác nhau.

Chuyển lưu lượng từ tuyến ống lớn sang nhỏ trong hệ thống phân phối.

Bạc chuyển bậc là phiên bản côn ngắn, tiết kiệm không gian lắp đặt.

- Kết nối hai đường kính ống khác nhau
- Côn dài (nối giảm) & côn ngắn (bạc CB)
- Góc côn tối ưu giảm tổn thất áp
- Cỡ lớn sản xuất hàn kỹ thuật
- Bề mặt mịn, không bám cặn
- Theo ISO 1452 & BS EN 1452

Kích thước tiêu biểu — các cặp giảm phổ biến

DN Lớn	DN Nhỏ	Hệ đo	PN (bar)
D90	D60	Inch	PN6–12
D114	D90	Inch	PN9
D168	D114	Inch	PN9
D200	D160	Mét	PN6
D315	D250	Mét	PN6
D400	D315	Mét	PN6

QUY CÁCH & MÃ HÀNG CHI TIẾT

FULL SIZE & CODE LIST · 44 quy cách

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Nối giảm	D60×D49	Inch	PN12	PA-NJ-I060x049
Nối giảm	D90×D60	Inch	PN6, PN12	PA-NJ-I090x060
Nối giảm	D114×D60	Inch	PN9	PA-NJ-I114x060
Nối giảm	D114×D90	Inch	PN9	PA-NJ-I114x090
Nối giảm	D140×D90	Inch	PN9	PA-NJ-I140x090
Nối giảm	D140×D114	Inch	PN9	PA-NJ-I140x114
Nối giảm	D168×D90	Inch	PN9	PA-NJ-I168x090
Nối giảm	D168×D114	Inch	PN9	PA-NJ-I168x114
Nối giảm	D168×D140	Inch	PN9	PA-NJ-I168x140
Nối giảm	D220×D114	Inch	PN9	PA-NJ-I220x114
Nối giảm	D220×D140	Inch	PN9	PA-NJ-I220x140
Nối giảm	D220×D168	Inch	PN6	PA-NJ-I220x168
Nối giảm	D110×D90	Mét	PN10	PA-NJ-M110x090
Nối giảm	D140×D110	Mét	PN10	PA-NJ-M140x110
Nối giảm	D160×D110	Mét	PN6	PA-NJ-M160x110
Nối giảm	D160×D140	Mét	PN6	PA-NJ-M160x140
Nối giảm	D200×D160	Mét	PN6	PA-NJ-M200x160
Nối giảm	D225×D160	Mét	PN6	PA-NJ-M225x160
Nối giảm	D225×D200	Mét	PN6	PA-NJ-M225x200
Nối giảm	D250×D200	Mét	PN6	PA-NJ-M250x200

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Nối giảm	D280×D225	Mét	PN6	PA-NJ-M280x225
Nối giảm	D315×D250	Mét	PN6	PA-NJ-M315x250
Nối giảm	D355×D280	Mét	PN6	PA-NJ-M355x280
Nối giảm	D400×D315	Mét	PN6	PA-NJ-M400x315
Nối giảm	D450×D355	Mét	PN6	PA-NJ-M450x355
Nối giảm	D500×D400	Mét	PN6	PA-NJ-M500x400
Nối giảm	D560×D450	Mét	PN6	PA-NJ-M560x450
Nối giảm	D630×D500	Mét	PN6	PA-NJ-M630x500
Bạc CB	D90×D75	Inch	PN6	PA-BC-I090x075
Bạc CB	D114×D60	Inch	PN6	PA-BC-I114x060
Bạc CB	D114×D90	Inch	PN6	PA-BC-I114x090
Bạc CB	D140×D114	Inch	PN6	PA-BC-I140x114
Bạc CB	D168×D140	Inch	PN6	PA-BC-I168x140
Bạc CB	D220×D168	Inch	PN6	PA-BC-I220x168
Bạc CB	D110×D90	Mét	PN10	PA-BC-M110x090
Bạc CB	D140×D110	Mét	PN10	PA-BC-M140x110
Bạc CB	D160×D140	Mét	PN6	PA-BC-M160x140
Bạc CB	D200×D160	Mét	PN6	PA-BC-M200x160
Bạc CB	D225×D200	Mét	PN6	PA-BC-M225x200
Bạc CB	D250×D225	Mét	PN6	PA-BC-M250x225
Bạc CB	D280×D250	Mét	PN6	PA-BC-M280x250
Bạc CB	D315×D280	Mét	PN6	PA-BC-M315x280
Bạc CB	D355×D315	Mét	PN6	PA-BC-M355x315
Bạc CB	D400×D355	Mét	PN6	PA-BC-M400x355

Mã hàng theo cấu trúc PA-[Nhóm]-[Hệ][DN]-PN[xx]. Liên hệ Hotline/Zalo 0866 544 299 để nhận báo giá chi tiết theo PN.

ỨNG DỤNG: Phân phối nước · Hạ tầng · Thủy sản · Khu công nghiệp

NHÓM 03: Co 90° & Lối 45°

Elbow 90° & Elbow 45°



Co 90° — D200 / D250 / D300 / D400



Lối 45° — D250 / D300 / D400

MÔ TẢ & ĐẶC TÍNH

DESCRIPTION & FEATURES

Co 90° (cút vuông) đổi hướng tuyến ống 90°; Lối 45° (chéch) đổi hướng 45°.

Lối 45° có tổn thất áp lực thấp hơn, phù hợp tuyến đổi hướng nhẹ.

Phi Anh chuyên co & lối cỡ lớn DN 200 – DN 400 hàn kỹ thuật.

- Co 90°: đổi hướng vuông góc
- Lối 45°: đổi hướng chéch, ít tổn thất
- Bán kính cong theo chuẩn ISO/BS
- Dòng cỡ lớn DN 200–400 hàn
- Hai loại: Mỏng (PN6) & Dày (PN9–12)
- Tuổi thọ > 50 năm

Bảng kích thước — Co 90° & Lối 45°

Kích thước DN	Hệ đo	Co 90° PN	Lối 45° PN
D49, D60, D90, D114	Inch	PN6–12	PN6–12
D140, D168, D220	Inch	PN6–9	PN6–9
D200, D250, D300	Mét	PN6	PN6
D315, D355, D400, D500, D630 (hàn)	Mét	PN6	PN6

QUY CÁCH & MÃ HÀNG CHI TIẾT

FULL SIZE & CODE LIST · 51 quy cách

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Co 90°	D21	Inch	PN16	PA-C9-I021
Co 90°	D27	Inch	PN16	PA-C9-I027
Co 90°	D34	Inch	PN16	PA-C9-I034
Co 90°	D42	Inch	PN16	PA-C9-I042
Co 90°	D49	Inch	PN6	PA-C9-I049
Co 90°	D60	Inch	PN6, PN12	PA-C9-I060
Co 90°	D90	Inch	PN6, PN12	PA-C9-I090
Co 90°	D114	Inch	PN6, PN9	PA-C9-I114
Co 90°	D140	Inch	PN6, PN9	PA-C9-I140
Co 90°	D168	Inch	PN6, PN9	PA-C9-I168
Co 90°	D220	Inch	PN6, PN9	PA-C9-I220
Co 90°	D63	Mét	PN6	PA-C9-M063
Co 90°	D75	Mét	PN6	PA-C9-M075
Co 90°	D90	Mét	PN6, PN10	PA-C9-M090
Co 90°	D110	Mét	PN6, PN10	PA-C9-M110
Co 90°	D125	Mét	PN6	PA-C9-M125
Co 90°	D140	Mét	PN6, PN10	PA-C9-M140
Co 90°	D160	Mét	PN6	PA-C9-M160
Co 90°	D200	Mét	PN6	PA-C9-M200
Co 90°	D225	Mét	PN6	PA-C9-M225

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Co 90°	D250	Mét	PN6	PA-C9-M250
Co 90°	D280	Mét	PN6	PA-C9-M280
Co 90°	D315	Mét	PN6	PA-C9-M315
Co 90°	D355	Mét	PN6	PA-C9-M355
Co 90°	D400	Mét	PN6	PA-C9-M400
Co 90°	D450	Mét	PN6	PA-C9-M450
Co 90°	D500	Mét	PN6	PA-C9-M500
Lời 45°	D21	Inch	PN16	PA-C4-I021
Lời 45°	D27	Inch	PN16	PA-C4-I027
Lời 45°	D34	Inch	PN16	PA-C4-I034
Lời 45°	D42	Inch	PN16	PA-C4-I042
Lời 45°	D49	Inch	PN12	PA-C4-I049
Lời 45°	D60	Inch	PN6, PN12	PA-C4-I060
Lời 45°	D90	Inch	PN6, PN12	PA-C4-I090
Lời 45°	D114	Inch	PN6, PN9	PA-C4-I114
Lời 45°	D140	Inch	PN6, PN9	PA-C4-I140
Lời 45°	D168	Inch	PN6, PN9	PA-C4-I168
Lời 45°	D220	Inch	PN6, PN9	PA-C4-I220
Lời 45°	D63	Mét	PN6	PA-C4-M063
Lời 45°	D75	Mét	PN6	PA-C4-M075
Lời 45°	D90	Mét	PN6, PN10	PA-C4-M090
Lời 45°	D110	Mét	PN6, PN10	PA-C4-M110
Lời 45°	D140	Mét	PN6	PA-C4-M140
Lời 45°	D160	Mét	PN6	PA-C4-M160
Lời 45°	D200	Mét	PN6	PA-C4-M200
Lời 45°	D225	Mét	PN6	PA-C4-M225
Lời 45°	D250	Mét	PN6	PA-C4-M250
Lời 45°	D280	Mét	PN6	PA-C4-M280
Lời 45°	D315	Mét	PN6	PA-C4-M315
Lời 45°	D355	Mét	PN6	PA-C4-M355
Lời 45°	D400	Mét	PN6	PA-C4-M400

Mã hàng theo cấu trúc PA-[Nhóm]-[Hệ][DN]-PN[xx]. Liên hệ Hotline/Zalo 0866 544 299 để nhận báo giá chi tiết theo PN.

ỨNG DỤNG: Cấp nước · Hạ tầng · Thoát nước CN · Tưới tiêu · Thủy sản

NHÓM 04: Tê & Chữ Y

Tee & Y-Piece



Tê đều & Tê giảm — D220 / D315, D200×90



Chữ Y & Tê cong — D250×114, D250×168

MÔ TẢ & ĐẶC TÍNH

DESCRIPTION & FEATURES

Tê 90° đồng tâm (ba lối cùng DN); Tê giảm (nhánh nhỏ hơn tuyến chính).

Chữ Y 45° phân nhánh nghiêng; Tê cong cho dòng chảy mượt, ít cản.

Tê & chữ Y cỡ lớn DN 200 – DN 315 hàn kỹ thuật, kiểm tra áp lực xuất xưởng.

- Tê đều: phân nhánh 90° cùng DN
- Tê giảm: nhánh rẽ nhỏ hơn
- Chữ Y 45° & Tê cong dòng chảy mượt
- Cỡ lớn hàn đối đầu (butt weld)
- Kiểm tra hydrostatic 1,5× PN
- Mối hàn bền, kín, đồng nhất

Bảng kích thước — Tê & Chữ Y

Sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN (bar)	Phương pháp
Tê đều	>D168-500	Inch	PN6–12	Keo dán
Tê đều	D140/168/200/220/250, D300/315	Inch/Mét	PN6	Keo dán
Tê giảm	D140/200×D90/114/140/168, D300×D90/114/168/200/220/250/280....	Mét/Inch	PN6–9	Hàn
Chữ Y 45°	D300× D90/114/140/168, D250×D168....	Mét	PN6	Keo dán
Tê cong	Theo yêu cầu	Mét	PN6	Keo dán

QUY CÁCH & MÃ HÀNG CHI TIẾT

FULL SIZE & CODE LIST · 60 quy cách

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Tê đều	D21	Inch	PN16	PA-T9-I021
Tê đều	D27	Inch	PN16	PA-T9-I027
Tê đều	D34	Inch	PN16	PA-T9-I034
Tê đều	D42	Inch	PN16	PA-T9-I042
Tê đều	D49	Inch	PN6, PN12	PA-T9-I049
Tê đều	D60	Inch	PN6, PN12	PA-T9-I060
Tê đều	D90	Inch	PN6, PN12	PA-T9-I090
Tê đều	D114	Inch	PN6, PN9	PA-T9-I114
Tê đều	D140	Inch	PN6, PN9	PA-T9-I140
Tê đều	D168	Inch	PN6, PN9	PA-T9-I168
Tê đều	D220	Inch	PN6, PN9	PA-T9-I220
Tê đều	D63	Mét	PN6	PA-T9-M063
Tê đều	D75	Mét	PN6	PA-T9-M075
Tê đều	D90	Mét	PN6, PN10	PA-T9-M090
Tê đều	D110	Mét	PN6, PN10	PA-T9-M110
Tê đều	D140	Mét	PN6, PN10	PA-T9-M140
Tê đều	D160	Mét	PN6	PA-T9-M160

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Tê đều	D200	Mét	PN6	PA-T9-M200
Tê đều	D225	Mét	PN6	PA-T9-M225
Tê đều	D250	Mét	PN6	PA-T9-M250
Tê đều	D280	Mét	PN6	PA-T9-M280
Tê đều	D315	Mét	PN6	PA-T9-M315
Tê đều	D355	Mét	PN6	PA-T9-M355
Tê đều	D400	Mét	PN6	PA-T9-M400
Tê đều	D450	Mét	PN6	PA-T9-M450
Tê đều	D500	Mét	PN6	PA-T9-M500
Tê giảm	D90×D60	Inch	PN6, PN12	PA-TG-I090x060
Tê giảm	D114×D60	Inch	PN9	PA-TG-I114x060
Tê giảm	D114×D90	Inch	PN9	PA-TG-I114x090
Tê giảm	D140×D90	Inch	PN9	PA-TG-I140x090
Tê giảm	D140×D114	Inch	PN9	PA-TG-I140x114
Tê giảm	D168×D90	Inch	PN9	PA-TG-I168x090
Tê giảm	D168×D114	Inch	PN9	PA-TG-I168x114
Tê giảm	D220×D114	Inch	PN9	PA-TG-I220x114
Tê giảm	D220×D140	Inch	PN9	PA-TG-I220x140
Tê giảm	D220×D168	Inch	PN6	PA-TG-I220x168
Tê giảm	D110×D90	Mét	PN10	PA-TG-M110x090
Tê giảm	D140×D110	Mét	PN10	PA-TG-M140x110
Tê giảm	D160×D110	Mét	PN6	PA-TG-M160x110
Tê giảm	D200×D160	Mét	PN6	PA-TG-M200x160
Tê giảm	D225×D160	Mét	PN6	PA-TG-M225x160
Tê giảm	D250×D200	Mét	PN6	PA-TG-M250x200
Tê giảm	D280×D225	Mét	PN6	PA-TG-M280x225
Tê giảm	D315×D250	Mét	PN6	PA-TG-M315x250
Tê giảm	D355×D280	Mét	PN6	PA-TG-M355x280
Tê giảm	D400×D315	Mét	PN6	PA-TG-M400x315
Chữ Y	D34	Inch	PN16	PA-TY-I034
Chữ Y	D42	Inch	PN9	PA-TY-I042
Chữ Y	D49	Inch	PN9	PA-TY-I049
Chữ Y	D60	Inch	PN9, PN16	PA-TY-I060
Chữ Y	D90	Inch	PN9, PN16	PA-TY-I090
Chữ Y	D114	Inch	PN9, PN16	PA-TY-I114
Chữ Y	D168	Inch	PN9	PA-TY-I168
Chữ Y	D220	Inch	PN9	PA-TY-I220
Chữ Y	D90×D60	Inch	PN9	PA-TY-I090x060
Chữ Y	D114×D90	Inch	PN9	PA-TY-I114x090
Chữ Y	D140×D90	Inch	PN9	PA-TY-I140x090
Chữ Y	D140×D114	Inch	PN9	PA-TY-I140x114
Chữ Y	D168×D114	Inch	PN9	PA-TY-I168x114
Chữ Y	D220×D114	Inch	PN9	PA-TY-I220x114

Mã hàng theo cấu trúc PA-[Nhóm]-[Hệ][DN]-PN[xx]. Liên hệ Hotline/Zalo 0866 544 299 để nhận báo giá chi tiết theo PN.

ỨNG DỤNG: Phân phối nước · Thoát nước · Tưới tiêu · Công nghiệp

NHÓM 05: Nắp Bịt & Bít Hàn

End Cap & Welded Cap



Bịt tròn — D250 / D300 / D315



Bít hàn dày — D400 (9,8 / 11,7 ly)

MÔ TẢ & ĐẶC TÍNH

DESCRIPTION & FEATURES

Nắp bịt (bịt tròn) bịt kín đầu cuối tuyến ống, ngăn dòng chảy.
 Bít hàn cỡ lớn DN 250 – DN 630 với độ dày tăng cường (9,8 – 11,7 mm).
 Dùng cho ống chờ, thử áp, bảo trì, đầu tuyến hệ thống.

- Bịt tròn: bịt kín đầu ống
- Bít hàn dày cho DN cỡ lớn
- Chịu áp PN6 – PN16
- Độ dày tăng cường 9,8 / 11,7 mm
- Mối hàn kín tuyệt đối
- Thử áp trước khi xuất hàng

Bảng kích thước — Nắp Bịt & Bít Hàn

Loại	Kích thước DN	Độ dày	Hệ đo	PN (bar)
Bịt tròn	D250, D300, D315	TC	Mét	PN6
Bít hàn	D400	9,8 mm	Mét	PN6
Bít hàn	D400	11,7 mm	Mét	PN10

QUY CÁCH & MÃ HÀNG CHI TIẾT

FULL SIZE & CODE LIST · 26 quy cách

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Nắp bịt	D21	Inch	PN16	PA-NB-I021
Nắp bịt	D27	Inch	PN16	PA-NB-I027
Nắp bịt	D34	Inch	PN16	PA-NB-I034
Nắp bịt	D42	Inch	PN6	PA-NB-I042
Nắp bịt	D49	Inch	PN6	PA-NB-I049
Nắp bịt	D60	Inch	PN16	PA-NB-I060
Nắp bịt	D90	Inch	PN6	PA-NB-I090
Nắp bịt	D114	Inch	PN6	PA-NB-I114
Nắp bịt	D140	Inch	PN6, PN9	PA-NB-I140
Nắp bịt	D168	Inch	PN6, PN9	PA-NB-I168
Nắp bịt	D220	Inch	PN6, PN9	PA-NB-I220
Nắp bịt	D63	Mét	PN6	PA-NB-M063
Nắp bịt	D75	Mét	PN6	PA-NB-M075
Nắp bịt	D90	Mét	PN6	PA-NB-M090
Nắp bịt	D110	Mét	PN6	PA-NB-M110
Nắp bịt	D140	Mét	PN6	PA-NB-M140
Nắp bịt	D160	Mét	PN6	PA-NB-M160
Nắp bịt	D200	Mét	PN6	PA-NB-M200
Nắp bịt	D225	Mét	PN6	PA-NB-M225
Nắp bịt	D250	Mét	PN6	PA-NB-M250
Nắp bịt	D280	Mét	PN6	PA-NB-M280

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Nắp bịt	D315	Mét	PN6	PA-NB-M315
Nắp bịt	D355	Mét	PN6	PA-NB-M355
Nắp bịt	D400	Mét	PN6	PA-NB-M400
Nắp bịt	D450	Mét	PN6	PA-NB-M450
Nắp bịt	D500	Mét	PN6	PA-NB-M500

Mã hàng theo cấu trúc PA-[Nhóm]-[Hệ][DN]-PN[xx]. Liên hệ Hotline/Zalo 0866 544 299 để nhận báo giá chi tiết theo PN.

ỨNG DỤNG: Thử áp · Bịt ống chờ · Đầu tuyến · Công nghiệp · Thủy sản

NHÓM 06: Mặt Bích

Flange



Mặt bích siết bulon (315/400)



Mặt bích mù

MÔ TẢ & ĐẶC TÍNH

DESCRIPTION & FEATURES

Mặt bích đơn (bích lồng) kết nối ống uPVC với thiết bị có mặt bích.
 Mặt bích mù (bích đặc) bịt kín hoàn toàn đầu bích, không có lỗ thông.
 Kết hợp bích kép thép + gioăng EPDM cho khớp nối tháo lắp được.

- Bích đơn: nối ống với thiết bị
- Bích mù: bịt kín đầu bích
- Bích kép thép kẹp ngoài
- Lỗ bu-lông theo DIN / ANSI
- Tháo lắp được, dễ bảo trì
- Đầu nối bơm, van, bồn

Bảng kích thước — Mặt Bích

Kích thước DN	Hệ đo	Số lỗ	Loại
D90	Inch	Tùy chọn	Đơn / Mù
D114, D140, D168	Inch	Tùy chọn	Đơn / Mù
D200, D220, D250/280/300/315/400	Inch	Tùy chọn	Đơn / Mù
D63 – D160	Mét	Tùy chọn	Đơn / Mù
D200 – D315	Mét	Tùy chọn	Đơn / Mù

QUY CÁCH & MÃ HÀNG CHI TIẾT

FULL SIZE & CODE LIST · 43 quy cách

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Bích đơn	D49	Inch	PN6	PA-BD-I049
Bích đơn	D60	Inch	PN9	PA-BD-I060
Bích đơn	D90	Inch	PN12	PA-BD-I090
Bích đơn	D114	Inch	PN9	PA-BD-I114
Bích đơn	D140	Inch	PN9	PA-BD-I140
Bích đơn	D168	Inch	PN9	PA-BD-I168
Bích đơn	D220	Inch	PN3	PA-BD-I220
Bích đơn	D250	Inch	PN3	PA-BD-I250
Bích đơn	D63	Mét	PN6	PA-BD-M063
Bích đơn	D75	Mét	PN6	PA-BD-M075
Bích đơn	D90	Mét	PN6	PA-BD-M090
Bích đơn	D110	Mét	PN6	PA-BD-M110
Bích đơn	D140	Mét	PN6	PA-BD-M140
Bích đơn	D160	Mét	PN6	PA-BD-M160
Bích đơn	D200	Mét	PN6	PA-BD-M200
Bích đơn	D225	Mét	PN6	PA-BD-M225
Bích đơn	D250	Mét	PN6	PA-BD-M250
Bích đơn	D280	Mét	PN6	PA-BD-M280

Loại	Quy cách (DN)	Hệ đo	PN khả dụng	Mã hàng đại diện
Bích đơn	D315	Mét	PN6	PA-BD-M315
Bích đơn	D355	Mét	PN6	PA-BD-M355
Bích đơn	D400	Mét	PN6	PA-BD-M400
Bích đơn	D450	Mét	PN6	PA-BD-M450
Bích đơn	D500	Mét	PN6	PA-BD-M500
Bích kép	D49	Inch	PN6	PA-BK-I049
Bích kép	D60	Inch	PN9	PA-BK-I060
Bích kép	D90	Inch	PN12	PA-BK-I090
Bích kép	D114	Inch	PN9	PA-BK-I114
Bích kép	D140	Inch	PN9	PA-BK-I140
Bích kép	D168	Inch	PN9	PA-BK-I168
Bích kép	D220	Inch	PN3	PA-BK-I220
Bích kép	D63	Mét	PN6	PA-BK-M063
Bích kép	D75	Mét	PN6	PA-BK-M075
Bích kép	D90	Mét	PN6	PA-BK-M090
Bích kép	D110	Mét	PN6	PA-BK-M110
Bích kép	D140	Mét	PN6	PA-BK-M140
Bích kép	D160	Mét	PN6	PA-BK-M160
Bích kép	D200	Mét	PN6	PA-BK-M200
Bích kép	D225	Mét	PN6	PA-BK-M225
Bích kép	D250	Mét	PN6	PA-BK-M250
Bích kép	D280	Mét	PN6	PA-BK-M280
Bích kép	D315	Mét	PN6	PA-BK-M315
Bích kép	D355	Mét	PN6	PA-BK-M355
Bích kép	D400	Mét	PN6	PA-BK-M400

Mã hàng theo cấu trúc PA-[Nhóm]-[Hệ][DN]-PN[xx]. Liên hệ Hotline/Zalo 0866 544 299 để nhận báo giá chi tiết theo PN.

ỨNG DỤNG: Đầu nối bơm / van / bồn · PCCC · Nhà máy XLN · Khu CN

SẢN PHẨM HÀN KỸ THUẬT TIÊU BIỂU

Phân khúc phụ kiện cỡ lớn mà các thương hiệu đúc ép phổ thông ít cung cấp — thế mạnh riêng của Phi Anh Group. Tất cả sản phẩm hàn được kiểm tra áp lực trước khi xuất xưởng.

Hình ảnh	Tên sản phẩm & Mã	Kích thước	Độ dày / PN	Ghi chú
	Co 90° uPVC D400 PA-C9-M400-PN6	DN400	PN6	
	Co 90° uPVC D300 PA-C9-M300-PN6	DN300	PN6	
	Co 90° uPVC D250 PA-C9-M250-PN6	DN250	PN6	
	Co 90° uPVC D200 PA-C9-M200-PN6	DN200	PN6	
	Co 45° (Lợi) uPVC D400 PA-C4-M400-PN6	DN400	PN6	
	Co 45° (Lợi) uPVC D300 PA-C4-M300-PN6	DN300	6,0 mm · PN6	
	Co 45° (Lợi) uPVC D250 PA-C4-M250-PN6	DN250	PN6	
	Tê đều uPVC D315 PA-T9-M315-PN6	DN315	6,2 mm · PN6	
	Tê đều uPVC D220 PA-T9-I220-PN6	DN220	3,8 mm · PN6	
	Tê giảm uPVC D200×D90 PA-TG-M200x090	DN200×90	PN6	
	Chữ Y 45° uPVC D250×D168 PA-TY-M250x168	DN250×168	PN6	
	Chữ Y 45° uPVC D250×D114 PA-TY-M250x114	DN250×114	PN6	

Hình ảnh	Tên sản phẩm & Mã	Kích thước	Độ dày / PN	Ghi chú
	Nắp bịt hàn uPVC D400 PA-NB-M400-PN10	DN400	11,7 mm · PN10	
	Nắp bịt hàn uPVC D400 PA-NB-M400-PN6	DN400	9,8 mm · PN6	
	Nắp bịt tròn uPVC D315 PA-NB-M315-PN6	DN315	PN6	
	Nối thẳng uPVC D400 PA-MS-M400-PN6	DN400	PN6	

BẢNG TRA KÍCH THƯỚC TỔNG HỢP

Phân khúc kích thước và danh mục sản phẩm theo đường kính ống.

DN (mm)	Hệ đo	Nối thẳng	Nối giảm	Co 90°	Lợi 45°	Tê	Nắp bịt	Mặt bích	PN Max	Phân khúc
D21 – D42	Inch	✓	✓	✓	✓	✓	✓	–	PN16	Dẫn dụng
D49, D60	Inch	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	PN12	CN nhỏ
D63 – D90	Cả hai	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	PN16	CN vừa
D110 / D114	Cả hai	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	PN10	CN vừa
D140 / D168	Cả hai	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	PN10	CN lớn
D200 / D220	Cả hai	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	PN6	Hạ tầng
D250	Mét	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	PN6	Hạ tầng
D300 / D315	Mét	✓	✓	✓	✓	✓	✓	ĐH	PN6	Hạ tầng
D355 / D400	Mét	✓	✓	✓	✓	✓	✓	ĐH	PN6	Hạ tầng lớn
D450 – D630	Mét	✓	ĐH	✓	✓	ĐH	ĐH	ĐH	PN6	Đặc biệt

Chú thích: ✓ = Cung cấp được · DH = Đặt hàng theo yêu cầu · – = Không cung cấp

THÔNG SỐ KỸ THUẬT THAM KHẢO

Hệ Inch (BS) — kích thước ống tương ứng

DN	Inch	OD (mm)	Cấp áp lực	Ghi chú
D21	1/2"	21,2	PN10 – PN16	Ống ren, áp lực
D27	3/4"	26,7	PN10 – PN16	Ống ren, áp lực
D34	1"	33,4	PN10 – PN16	Ống ren, áp lực
D42	1 1/4"	42,2	PN10 – PN12	Ống áp lực
D49	1 1/2"	49,0	PN6 – PN12	Ống áp lực
D60	2"	60,0	PN6 – PN12	Ống áp lực
D90	3"	90,0	PN6 – PN12	Ống áp lực
D114	4"	114,0	PN6 – PN10	Ống áp lực
D168	6"	168,0	PN6 – PN9	Cỡ lớn
D220	8"	220,0	PN6	Cỡ lớn

Hệ Mét (ISO) — kích thước ống tương ứng

DN	OD (mm)	Dày PN6	Dày PN10	Dày PN16
D63	63,0	1,8	3,0	4,7
D90	90,0	2,7	4,3	6,7
D110	110,0	3,2	5,3	8,1
D140	140,0	4,1	6,7	10,3
D160	160,0	4,7	7,7	11,8
D200	200,0	5,9	9,6	–
D250	250,0	7,3	11,9	–
D315	315,0	9,2	15,0	–
D355	355,0	10,4	–	–
D400	400,0	11,7	–	–

Đặc tính vật liệu uPVC

Đặc tính	Giá trị	Đặc tính	Giá trị
Tỷ trọng	1,40 – 1,46 g/cm ³	Nhiệt độ làm việc	0°C – 45°C
Độ bền kéo	≥ 45 MPa	Hệ số giãn nở nhiệt	7×10 ⁻⁵ /°C
Mô-đun đàn hồi	≥ 2.700 MPa	Độ nhám bề mặt	0,007 mm
Độ bền va đập	Tốt (Charpy)	Tuổi thọ thiết kế	> 50 năm
Kháng hóa chất	Acid / kiềm nhẹ, muối	Cách điện	Tốt

GHI CHÚ KỸ THUẬT: Kích thước tham khảo theo ISO 1452-2 & BS EN 1452-2. Kích thước thực tế phụ kiện lớn hơn ống do thành dày hơn. Phụ kiện hàn cỡ lớn: độ dày & cấp áp lực gia công theo yêu cầu công trình.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

Phụ kiện uPVC Phi Anh phục vụ đa dạng lĩnh vực — từ dân dụng đến hạ tầng cỡ lớn. Mỗi ngành có dải sản phẩm & kích thước phù hợp riêng.

Cấp Nước Sạch

Water Supply

uPVC không độc, bề mặt trơn nhẵn giảm tổn thất áp lực — tối ưu cho hệ cấp nước.

- Mạng phân phối nước sạch đô thị
- Tuyến truyền tải cấp nước KCN/KCX
- Cấp nước nhà máy, cao ốc, chung cư
- Trạm bơm tăng áp, bể chứa, đài nước
- Đầu nối đồng hồ tổng, van điều tiết
- Đạt QCVN 01:2009/BYT

Phụ kiện phù hợp: Nối thẳng · Co 90° · Tê · Nối giảm · Mặt bích

DN thường dùng: DN 90 – DN 400

Thoát Nước & Xử Lý Nước Thải

Wastewater & Treatment

Kháng ăn mòn acid/kiềm nhẹ — bền trong môi trường nước thải khắc nghiệt.

- Thu gom & thoát nước thải KCN
- Ống dẫn trong trạm XLNT (WWTP)
- Thoát nước mưa, nước mặt công trình
- Ống xả, sục khí bể hiếu/kỵ khí
- Kết nối bơm chìm, bể lắng
- Không gỉ sét, tuổi thọ cao

Phụ kiện phù hợp: Co 90°/45° · Tê · Chữ Y · Bít hàn · Mặt bích

DN thường dùng: DN 110 – DN 630

Tưới Tiêu Nông Nghiệp

Irrigation

Nhẹ, thi công nhanh, chi phí thấp — phù hợp tuyến tưới trải dài, địa hình phức tạp.

- Hệ tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa
- Tuyến ống chính dẫn nước về đồng
- Tưới vùng đất cao, đồi dốc
- Thủy lợi nội đồng, kênh mương hóa
- Trạm bơm tưới, bể điều tiết
- Bền UV khi có lớp bảo vệ

Phụ kiện phù hợp: Nối thẳng · Co · Tê · Nối giảm · Nắp bịt

DN thường dùng: DN 60 – DN 250

Nuôi Trồng Thủy Sản

Aquaculture

Không thôi nhiễm chất độc, chịu nước mặn/lợ — an toàn sinh học cho tôm, cá.

- Cấp & thoát nước ao tôm, ao cá
- Sục khí, tuần hoàn & lọc nước (RAS)
- Ống xả đáy, siphon, thay nước
- Dẫn nước biển, nước lợ
- Kết nối quạt nước, máy thổi khí
- Không gỉ, không độc hại

Phụ kiện phù hợp: Co · Tê · Chữ Y · Nắp bịt · Nối giảm

DN thường dùng: DN 90 – DN 315

Cơ Điện Công Nghiệp

Industrial M&E

Cách điện, kháng hóa chất, dễ lắp đặt — giải pháp M&E, làm mát & dẫn hóa chất nhẹ.

- Cấp nước làm mát thiết bị, dây chuyền
- PCCC cấp thấp áp (phụ trợ)
- Dẫn hóa chất không ăn mòn PVC
- Hệ lọc / xử lý nước cấp CN
- Kết nối bơm, van, bình áp lực
- Cách điện, bảo trì thấp

Phụ kiện phù hợp: Mặt bích · Nối thẳng · Co · Tê · Bít hàn

DN thường dùng: DN 49 – DN 400

Hạ Tầng Đô Thị

Urban Infrastructure

Phụ kiện HÂN cỡ lớn DN 250–630 cho tuyến ống chính hạ tầng — thế mạnh Phi Anh.

- Tuyến cấp nước chính đô thị DN 250–630
- Dự án hạ tầng BOT / BT, khu đô thị
- Mạng thoát nước đô thị ngầm
- Hạ tầng KCN, KCX Đông Nam Bộ
- Tuyến truyền tải liên vùng
- Phụ kiện hàn theo yêu cầu

Phụ kiện phù hợp: Co hàn · Tê hàn · Nối thẳng · Mặt bích · Bít hàn

DN thường dùng: DN 250 – DN 630

ISO 1452-2:2009 · BS EN 1452-2 · TCVN 8491:2011 · TCVN 6151:2002 · PN 6 – PN 16

DANH MỤC HÀNG HÓA CHI TIẾT

Bảng mã hàng đầy đủ — 307 quy cách trên 11 nhóm sản phẩm. Mã hàng: PA-[Nhóm]-[Hệ][DN]-PN[xx]. Giá báo theo yêu cầu — Hotline/Zalo 0866 544 299.

NHÓM MS: Nối thẳng / Măng sông

Straight Coupling

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
1	PA-MS-I021-PN16	D21	Inch	PN16	Cái
2	PA-MS-I027-PN16	D27	Inch	PN16	Cái
3	PA-MS-I034-PN16	D34	Inch	PN16	Cái
4	PA-MS-I042-PN16	D42	Inch	PN16	Cái
5	PA-MS-I049-PN06	D49	Inch	PN6	Cái
6	PA-MS-I049-PN12	D49	Inch	PN12	Cái
7	PA-MS-I060-PN06	D60	Inch	PN6	Cái
8	PA-MS-I060-PN12	D60	Inch	PN12	Cái
9	PA-MS-I090-PN06	D90	Inch	PN6	Cái
10	PA-MS-I090-PN12	D90	Inch	PN12	Cái
11	PA-MS-I114-PN06	D114	Inch	PN6	Cái
12	PA-MS-I114-PN09	D114	Inch	PN9	Cái
13	PA-MS-I140-PN06	D140	Inch	PN6	Cái
14	PA-MS-I140-PN09	D140	Inch	PN9	Cái
15	PA-MS-I168-PN06	D168	Inch	PN6	Cái
16	PA-MS-I168-PN09	D168	Inch	PN9	Cái
17	PA-MS-I220-PN06	D220	Inch	PN6	Cái
18	PA-MS-I220-PN09	D220	Inch	PN9	Cái
19	PA-MS-M063-PN06	D63	Mét	PN6	Cái
20	PA-MS-M063-PN08	D63	Mét	PN8	Cái
21	PA-MS-M075-PN06	D75	Mét	PN6	Cái
22	PA-MS-M075-PN10	D75	Mét	PN10	Cái
23	PA-MS-M090-PN06	D90	Mét	PN6	Cái
24	PA-MS-M090-PN10	D90	Mét	PN10	Cái
25	PA-MS-M090-PN16	D90	Mét	PN16	Cái
26	PA-MS-M110-PN06	D110	Mét	PN6	Cái
27	PA-MS-M110-PN10	D110	Mét	PN10	Cái
28	PA-MS-M110-PN16	D110	Mét	PN16	Cái
29	PA-MS-M125-PN16	D125	Mét	PN16	Cái
30	PA-MS-M140-PN06	D140	Mét	PN6	Cái
31	PA-MS-M140-PN10	D140	Mét	PN10	Cái
32	PA-MS-M140-PN16	D140	Mét	PN16	Cái
33	PA-MS-M160-PN06	D160	Mét	PN6	Cái
34	PA-MS-M160-PN10	D160	Mét	PN10	Cái
35	PA-MS-M200-PN06	D200	Mét	PN6	Cái
36	PA-MS-M200-PN10	D200	Mét	PN10	Cái
37	PA-MS-M225-PN06	D225	Mét	PN6	Cái
38	PA-MS-M225-PN10	D225	Mét	PN10	Cái
39	PA-MS-M250-PN06	D250	Mét	PN6	Cái
40	PA-MS-M250-PN10	D250	Mét	PN10	Cái
41	PA-MS-M280-PN06	D280	Mét	PN6	Cái
42	PA-MS-M315-PN06	D315	Mét	PN6	Cái
43	PA-MS-M355-PN06	D355	Mét	PN6	Cái
44	PA-MS-M400-PN06	D400	Mét	PN6	Cái
45	PA-MS-M450-PN06	D450	Mét	PN6	Cái
46	PA-MS-M500-PN06	D500	Mét	PN6	Cái
47	PA-MS-M560-PN06	D560	Mét	PN6	Cái
48	PA-MS-M630-PN06	D630	Mét	PN6	Cái

NHÓM NJ: Nối giảm

Côn thu) (Reducer / Reducing Coupling

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
49	PA-NJ-I060x049-PN12	D60×D49	Inch	PN12	Cái
50	PA-NJ-I090x060-PN06	D90×D60	Inch	PN6	Cái
51	PA-NJ-I090x060-PN12	D90×D60	Inch	PN12	Cái
52	PA-NJ-I114x060-PN09	D114×D60	Inch	PN9	Cái
53	PA-NJ-I114x090-PN09	D114×D90	Inch	PN9	Cái
54	PA-NJ-I140x090-PN09	D140×D90	Inch	PN9	Cái
55	PA-NJ-I140x114-PN09	D140×D114	Inch	PN9	Cái
56	PA-NJ-I168x090-PN09	D168×D90	Inch	PN9	Cái
57	PA-NJ-I168x114-PN09	D168×D114	Inch	PN9	Cái

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
58	PA-NJ-I168x140-PN09	D168×D140	Inch	PN9	Cái
59	PA-NJ-I220x114-PN09	D220×D114	Inch	PN9	Cái
60	PA-NJ-I220x140-PN09	D220×D140	Inch	PN9	Cái
61	PA-NJ-I220x168-PN06	D220×D168	Inch	PN6	Cái
62	PA-NJ-M110x090-PN10	D110×D90	Mét	PN10	Cái
63	PA-NJ-M140x110-PN10	D140×D110	Mét	PN10	Cái
64	PA-NJ-M160x110-PN06	D160×D110	Mét	PN6	Cái
65	PA-NJ-M160x140-PN06	D160×D140	Mét	PN6	Cái
66	PA-NJ-M200x160-PN06	D200×D160	Mét	PN6	Cái
67	PA-NJ-M225x160-PN06	D225×D160	Mét	PN6	Cái
68	PA-NJ-M225x200-PN06	D225×D200	Mét	PN6	Cái
69	PA-NJ-M250x200-PN06	D250×D200	Mét	PN6	Cái
70	PA-NJ-M280x225-PN06	D280×D225	Mét	PN6	Cái
71	PA-NJ-M315x250-PN06	D315×D250	Mét	PN6	Cái
72	PA-NJ-M355x280-PN06	D355×D280	Mét	PN6	Cái
73	PA-NJ-M400x315-PN06	D400×D315	Mét	PN6	Cái
74	PA-NJ-M450x355-PN06	D450×D355	Mét	PN6	Cái
75	PA-NJ-M500x400-PN06	D500×D400	Mét	PN6	Cái
76	PA-NJ-M560x450-PN06	D560×D450	Mét	PN6	Cái
77	PA-NJ-M630x500-PN06	D630×D500	Mét	PN6	Cái

NHÓM C9: Co 90°

Cút 90° (Elbow 90°)

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
78	PA-C9-I021-PN16	D21	Inch	PN16	Cái
79	PA-C9-I027-PN16	D27	Inch	PN16	Cái
80	PA-C9-I034-PN16	D34	Inch	PN16	Cái
81	PA-C9-I042-PN16	D42	Inch	PN16	Cái
82	PA-C9-I049-PN06	D49	Inch	PN6	Cái
83	PA-C9-I060-PN06	D60	Inch	PN6	Cái
84	PA-C9-I060-PN12	D60	Inch	PN12	Cái
85	PA-C9-I090-PN06	D90	Inch	PN6	Cái
86	PA-C9-I090-PN12	D90	Inch	PN12	Cái
87	PA-C9-I114-PN06	D114	Inch	PN6	Cái
88	PA-C9-I114-PN09	D114	Inch	PN9	Cái
89	PA-C9-I140-PN06	D140	Inch	PN6	Cái
90	PA-C9-I140-PN09	D140	Inch	PN9	Cái
91	PA-C9-I168-PN06	D168	Inch	PN6	Cái
92	PA-C9-I168-PN09	D168	Inch	PN9	Cái
93	PA-C9-I220-PN06	D220	Inch	PN6	Cái
94	PA-C9-I220-PN09	D220	Inch	PN9	Cái
95	PA-C9-M063-PN06	D63	Mét	PN6	Cái
96	PA-C9-M075-PN06	D75	Mét	PN6	Cái
97	PA-C9-M090-PN06	D90	Mét	PN6	Cái
98	PA-C9-M090-PN10	D90	Mét	PN10	Cái
99	PA-C9-M110-PN06	D110	Mét	PN6	Cái
100	PA-C9-M110-PN10	D110	Mét	PN10	Cái
101	PA-C9-M125-PN06	D125	Mét	PN6	Cái
102	PA-C9-M140-PN06	D140	Mét	PN6	Cái
103	PA-C9-M140-PN10	D140	Mét	PN10	Cái
104	PA-C9-M160-PN06	D160	Mét	PN6	Cái
105	PA-C9-M200-PN06	D200	Mét	PN6	Cái
106	PA-C9-M225-PN06	D225	Mét	PN6	Cái
107	PA-C9-M250-PN06	D250	Mét	PN6	Cái
108	PA-C9-M280-PN06	D280	Mét	PN6	Cái
109	PA-C9-M315-PN06	D315	Mét	PN6	Cái
110	PA-C9-M355-PN06	D355	Mét	PN6	Cái
111	PA-C9-M400-PN06	D400	Mét	PN6	Cái
112	PA-C9-M450-PN06	D450	Mét	PN6	Cái
113	PA-C9-M500-PN06	D500	Mét	PN6	Cái

NHÓM C4: Co 45°

Lời / Chếch (Elbow 45°)

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
114	PA-C4-I021-PN16	D21	Inch	PN16	Cái
115	PA-C4-I027-PN16	D27	Inch	PN16	Cái
116	PA-C4-I034-PN16	D34	Inch	PN16	Cái
117	PA-C4-I042-PN16	D42	Inch	PN16	Cái

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
118	PA-C4-I049-PN12	D49	Inch	PN12	Cái
119	PA-C4-I060-PN06	D60	Inch	PN6	Cái
120	PA-C4-I060-PN12	D60	Inch	PN12	Cái
121	PA-C4-I090-PN06	D90	Inch	PN6	Cái
122	PA-C4-I090-PN12	D90	Inch	PN12	Cái
123	PA-C4-I114-PN06	D114	Inch	PN6	Cái
124	PA-C4-I114-PN09	D114	Inch	PN9	Cái
125	PA-C4-I140-PN06	D140	Inch	PN6	Cái
126	PA-C4-I140-PN09	D140	Inch	PN9	Cái
127	PA-C4-I168-PN06	D168	Inch	PN6	Cái
128	PA-C4-I168-PN09	D168	Inch	PN9	Cái
129	PA-C4-I220-PN06	D220	Inch	PN6	Cái
130	PA-C4-I220-PN09	D220	Inch	PN9	Cái
131	PA-C4-M063-PN06	D63	Mét	PN6	Cái
132	PA-C4-M075-PN06	D75	Mét	PN6	Cái
133	PA-C4-M090-PN06	D90	Mét	PN6	Cái
134	PA-C4-M090-PN10	D90	Mét	PN10	Cái
135	PA-C4-M110-PN06	D110	Mét	PN6	Cái
136	PA-C4-M110-PN10	D110	Mét	PN10	Cái
137	PA-C4-M140-PN06	D140	Mét	PN6	Cái
138	PA-C4-M160-PN06	D160	Mét	PN6	Cái
139	PA-C4-M200-PN06	D200	Mét	PN6	Cái
140	PA-C4-M225-PN06	D225	Mét	PN6	Cái
141	PA-C4-M250-PN06	D250	Mét	PN6	Cái
142	PA-C4-M280-PN06	D280	Mét	PN6	Cái
143	PA-C4-M315-PN06	D315	Mét	PN6	Cái
144	PA-C4-M355-PN06	D355	Mét	PN6	Cái
145	PA-C4-M400-PN06	D400	Mét	PN6	Cái

NHÓM T9: Tê 90° đồng tâm

Equal Tee 90°

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
146	PA-T9-I021-PN16	D21	Inch	PN16	Cái
147	PA-T9-I027-PN16	D27	Inch	PN16	Cái
148	PA-T9-I034-PN16	D34	Inch	PN16	Cái
149	PA-T9-I042-PN16	D42	Inch	PN16	Cái
150	PA-T9-I049-PN06	D49	Inch	PN6	Cái
151	PA-T9-I049-PN12	D49	Inch	PN12	Cái
152	PA-T9-I060-PN06	D60	Inch	PN6	Cái
153	PA-T9-I060-PN12	D60	Inch	PN12	Cái
154	PA-T9-I090-PN06	D90	Inch	PN6	Cái
155	PA-T9-I090-PN12	D90	Inch	PN12	Cái
156	PA-T9-I114-PN06	D114	Inch	PN6	Cái
157	PA-T9-I114-PN09	D114	Inch	PN9	Cái
158	PA-T9-I140-PN06	D140	Inch	PN6	Cái
159	PA-T9-I140-PN09	D140	Inch	PN9	Cái
160	PA-T9-I168-PN06	D168	Inch	PN6	Cái
161	PA-T9-I168-PN09	D168	Inch	PN9	Cái
162	PA-T9-I220-PN06	D220	Inch	PN6	Cái
163	PA-T9-I220-PN09	D220	Inch	PN9	Cái
164	PA-T9-M063-PN06	D63	Mét	PN6	Cái
165	PA-T9-M075-PN06	D75	Mét	PN6	Cái
166	PA-T9-M090-PN06	D90	Mét	PN6	Cái
167	PA-T9-M090-PN10	D90	Mét	PN10	Cái
168	PA-T9-M110-PN06	D110	Mét	PN6	Cái
169	PA-T9-M110-PN10	D110	Mét	PN10	Cái
170	PA-T9-M140-PN06	D140	Mét	PN6	Cái
171	PA-T9-M140-PN10	D140	Mét	PN10	Cái
172	PA-T9-M160-PN06	D160	Mét	PN6	Cái
173	PA-T9-M200-PN06	D200	Mét	PN6	Cái
174	PA-T9-M225-PN06	D225	Mét	PN6	Cái
175	PA-T9-M250-PN06	D250	Mét	PN6	Cái
176	PA-T9-M280-PN06	D280	Mét	PN6	Cái
177	PA-T9-M315-PN06	D315	Mét	PN6	Cái
178	PA-T9-M355-PN06	D355	Mét	PN6	Cái
179	PA-T9-M400-PN06	D400	Mét	PN6	Cái
180	PA-T9-M450-PN06	D450	Mét	PN6	Cái
181	PA-T9-M500-PN06	D500	Mét	PN6	Cái

NHÓM TG: Tê giảm 90°

Reducing Tee 90°

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
182	PA-TG-I090x060-PN06	D90×D60	Inch	PN6	Cái
183	PA-TG-I090x060-PN12	D90×D60	Inch	PN12	Cái
184	PA-TG-I114x060-PN09	D114×D60	Inch	PN9	Cái
185	PA-TG-I114x090-PN09	D114×D90	Inch	PN9	Cái
186	PA-TG-I140x090-PN09	D140×D90	Inch	PN9	Cái
187	PA-TG-I140x114-PN09	D140×D114	Inch	PN9	Cái
188	PA-TG-I168x090-PN09	D168×D90	Inch	PN9	Cái
189	PA-TG-I168x114-PN09	D168×D114	Inch	PN9	Cái
190	PA-TG-I220x114-PN09	D220×D114	Inch	PN9	Cái
191	PA-TG-I220x140-PN09	D220×D140	Inch	PN9	Cái
192	PA-TG-I220x168-PN06	D220×D168	Inch	PN6	Cái
193	PA-TG-M110x090-PN10	D110×D90	Mét	PN10	Cái
194	PA-TG-M140x110-PN10	D140×D110	Mét	PN10	Cái
195	PA-TG-M160x110-PN06	D160×D110	Mét	PN6	Cái
196	PA-TG-M200x160-PN06	D200×D160	Mét	PN6	Cái
197	PA-TG-M225x160-PN06	D225×D160	Mét	PN6	Cái
198	PA-TG-M250x200-PN06	D250×D200	Mét	PN6	Cái
199	PA-TG-M280x225-PN06	D280×D225	Mét	PN6	Cái
200	PA-TG-M315x250-PN06	D315×D250	Mét	PN6	Cái
201	PA-TG-M355x280-PN06	D355×D280	Mét	PN6	Cái
202	PA-TG-M400x315-PN06	D400×D315	Mét	PN6	Cái

NHÓM TY: Chữ Y / Tê 45°

Y-Piece / Tee 45°

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
203	PA-TY-I034-PN16	D34	Inch	PN16	Cái
204	PA-TY-I042-PN09	D42	Inch	PN9	Cái
205	PA-TY-I049-PN09	D49	Inch	PN9	Cái
206	PA-TY-I060-PN09	D60	Inch	PN9	Cái
207	PA-TY-I060-PN16	D60	Inch	PN16	Cái
208	PA-TY-I090-PN09	D90	Inch	PN9	Cái
209	PA-TY-I090-PN16	D90	Inch	PN16	Cái
210	PA-TY-I114-PN09	D114	Inch	PN9	Cái
211	PA-TY-I114-PN16	D114	Inch	PN16	Cái
212	PA-TY-I168-PN09	D168	Inch	PN9	Cái
213	PA-TY-I220-PN09	D220	Inch	PN9	Cái
214	PA-TY-I090x060-PN09	D90×D60	Inch	PN9	Cái
215	PA-TY-I114x090-PN09	D114×D90	Inch	PN9	Cái
216	PA-TY-I140x090-PN09	D140×D90	Inch	PN9	Cái
217	PA-TY-I140x114-PN09	D140×D114	Inch	PN9	Cái
218	PA-TY-I168x114-PN09	D168×D114	Inch	PN9	Cái
219	PA-TY-I220x114-PN09	D220×D114	Inch	PN9	Cái

NHÓM NB: Nắp bịt / Đầu bịt

End Cap

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
220	PA-NB-I021-PN16	D21	Inch	PN16	Cái
221	PA-NB-I027-PN16	D27	Inch	PN16	Cái
222	PA-NB-I034-PN16	D34	Inch	PN16	Cái
223	PA-NB-I042-PN06	D42	Inch	PN6	Cái
224	PA-NB-I049-PN06	D49	Inch	PN6	Cái
225	PA-NB-I060-PN16	D60	Inch	PN16	Cái
226	PA-NB-I090-PN06	D90	Inch	PN6	Cái
227	PA-NB-I114-PN06	D114	Inch	PN6	Cái
228	PA-NB-I140-PN06	D140	Inch	PN6	Cái
229	PA-NB-I140-PN09	D140	Inch	PN9	Cái
230	PA-NB-I168-PN06	D168	Inch	PN6	Cái
231	PA-NB-I168-PN09	D168	Inch	PN9	Cái
232	PA-NB-I220-PN06	D220	Inch	PN6	Cái
233	PA-NB-I220-PN09	D220	Inch	PN9	Cái
234	PA-NB-M063-PN06	D63	Mét	PN6	Cái
235	PA-NB-M075-PN06	D75	Mét	PN6	Cái
236	PA-NB-M090-PN06	D90	Mét	PN6	Cái
237	PA-NB-M110-PN06	D110	Mét	PN6	Cái
238	PA-NB-M140-PN06	D140	Mét	PN6	Cái
239	PA-NB-M160-PN06	D160	Mét	PN6	Cái
240	PA-NB-M200-PN06	D200	Mét	PN6	Cái

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
241	PA-NB-M225-PN06	D225	Mét	PN6	Cái
242	PA-NB-M250-PN06	D250	Mét	PN6	Cái
243	PA-NB-M280-PN06	D280	Mét	PN6	Cái
244	PA-NB-M315-PN06	D315	Mét	PN6	Cái
245	PA-NB-M355-PN06	D355	Mét	PN6	Cái
246	PA-NB-M400-PN06	D400	Mét	PN6	Cái
247	PA-NB-M450-PN06	D450	Mét	PN6	Cái
248	PA-NB-M500-PN06	D500	Mét	PN6	Cái

NHÓM BD: Mặt bích đơn

Bích lồng) (Stub Flange

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
249	PA-BD-I049-PN06	D49	Inch	PN6	Cái
250	PA-BD-I060-PN09	D60	Inch	PN9	Cái
251	PA-BD-I090-PN12	D90	Inch	PN12	Cái
252	PA-BD-I114-PN09	D114	Inch	PN9	Cái
253	PA-BD-I140-PN09	D140	Inch	PN9	Cái
254	PA-BD-I168-PN09	D168	Inch	PN9	Cái
255	PA-BD-I220-PN03	D220	Inch	PN3	Cái
256	PA-BD-I250-PN03	D250	Inch	PN3	Cái
257	PA-BD-M063-PN06	D63	Mét	PN6	Cái
258	PA-BD-M075-PN06	D75	Mét	PN6	Cái
259	PA-BD-M090-PN06	D90	Mét	PN6	Cái
260	PA-BD-M110-PN06	D110	Mét	PN6	Cái
261	PA-BD-M140-PN06	D140	Mét	PN6	Cái
262	PA-BD-M160-PN06	D160	Mét	PN6	Cái
263	PA-BD-M200-PN06	D200	Mét	PN6	Cái
264	PA-BD-M225-PN06	D225	Mét	PN6	Cái
265	PA-BD-M250-PN06	D250	Mét	PN6	Cái
266	PA-BD-M280-PN06	D280	Mét	PN6	Cái
267	PA-BD-M315-PN06	D315	Mét	PN6	Cái
268	PA-BD-M355-PN06	D355	Mét	PN6	Cái
269	PA-BD-M400-PN06	D400	Mét	PN6	Cái
270	PA-BD-M450-PN06	D450	Mét	PN6	Cái
271	PA-BD-M500-PN06	D500	Mét	PN6	Cái

NHÓM BK: Bích kép

Bích thép / Bích góc) (Backing Flange

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
272	PA-BK-I049-PN06	D49	Inch	PN6	Cái
273	PA-BK-I060-PN09	D60	Inch	PN9	Cái
274	PA-BK-I090-PN12	D90	Inch	PN12	Cái
275	PA-BK-I114-PN09	D114	Inch	PN9	Cái
276	PA-BK-I140-PN09	D140	Inch	PN9	Cái
277	PA-BK-I168-PN09	D168	Inch	PN9	Cái
278	PA-BK-I220-PN03	D220	Inch	PN3	Cái
279	PA-BK-M063-PN06	D63	Mét	PN6	Cái
280	PA-BK-M075-PN06	D75	Mét	PN6	Cái
281	PA-BK-M090-PN06	D90	Mét	PN6	Cái
282	PA-BK-M110-PN06	D110	Mét	PN6	Cái
283	PA-BK-M140-PN06	D140	Mét	PN6	Cái
284	PA-BK-M160-PN06	D160	Mét	PN6	Cái
285	PA-BK-M200-PN06	D200	Mét	PN6	Cái
286	PA-BK-M225-PN06	D225	Mét	PN6	Cái
287	PA-BK-M250-PN06	D250	Mét	PN6	Cái
288	PA-BK-M280-PN06	D280	Mét	PN6	Cái
289	PA-BK-M315-PN06	D315	Mét	PN6	Cái
290	PA-BK-M355-PN06	D355	Mét	PN6	Cái
291	PA-BK-M400-PN06	D400	Mét	PN6	Cái

NHÓM BC: Bạc chuyển bậc

Côn giảm ngắn) (Reducing Bush / Short Reducer

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
292	PA-BC-I090x075-PN06	D90×D75	Inch	PN6	Cái
293	PA-BC-I114x060-PN06	D114×D60	Inch	PN6	Cái
294	PA-BC-I114x090-PN06	D114×D90	Inch	PN6	Cái
295	PA-BC-I140x114-PN06	D140×D114	Inch	PN6	Cái
296	PA-BC-I168x140-PN06	D168×D140	Inch	PN6	Cái
297	PA-BC-I220x168-PN06	D220×D168	Inch	PN6	Cái

STT	Mã sản phẩm	Quy cách	Hệ đo	PN	ĐVT
298	PA-BC-M110x090-PN10	D110×D90	Mét	PN10	Cái
299	PA-BC-M140x110-PN10	D140×D110	Mét	PN10	Cái
300	PA-BC-M160x140-PN06	D160×D140	Mét	PN6	Cái
301	PA-BC-M200x160-PN06	D200×D160	Mét	PN6	Cái
302	PA-BC-M225x200-PN06	D225×D200	Mét	PN6	Cái
303	PA-BC-M250x225-PN06	D250×D225	Mét	PN6	Cái
304	PA-BC-M280x250-PN06	D280×D250	Mét	PN6	Cái
305	PA-BC-M315x280-PN06	D315×D280	Mét	PN6	Cái
306	PA-BC-M355x315-PN06	D355×D315	Mét	PN6	Cái
307	PA-BC-M400x355-PN06	D400×D355	Mét	PN6	Cái



PHI ANH GROUP

CÔNG TY TNHH PHI ANH GROUP
PHI ANH GROUP - PLASTIC PIPE & FITTINGS

CÔNG TY TNHH PHI ANH GROUP

Phụ Kiện Ống Nhựa uPVC Kỹ Thuật · Plastic Pipe & Fittings

Website	www.phianh.vn
Hotline / Zalo	0866 544 299 — Báo giá & tư vấn kỹ thuật
Email	info@phianh.vn
Địa chỉ	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Sản phẩm	Phụ kiện ống nhựa uPVC — DN 21 đến DN 630
Giao hàng	TP.HCM · Bình Dương · Đồng Nai · Long An · Tây Ninh · BR-VT
Phục vụ	B2B — Nhà thầu · Kỹ sư · Chủ đầu tư · Đại lý



QUÉT MÃ — KẾT NỐI ZALO OA

Phụ Kiện Ống Nhựa Phi Anh · Báo giá & tư vấn nhanh

Liên hệ ngay để nhận BÁO GIÁ và TƯ VẤN KỸ THUẬT miễn phí

© 2025 Công ty TNHH Phi Anh Group · www.phianh.vn